**KẾ HOẠCH DẠY HỌC (TỔ CHUYÊN MÔN)**

**MÔN TIN HỌC, LỚP 8 (bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)**

**NĂM HỌC 2023-2024**

**Cả năm: 35 tiết (Học kỳ I : 1 tiết/ tuần x 18 tuần = 18 tiết; Học kỳ II : 1 tiết/ tuần x 17 tuần = 17 tiết)**

**I. Đặc điểm tính hình:**

**II. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | | | **Tên bài học** | **Số tiết** | | | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** |
| **(1)** | **(2)** | | | **(3)** | **(4)** |
| **Học kỳ I : 1 tiết/ tuần x 18 tuần = 18 tiết** | | | | | | | | |
| **CHỦ ĐỀ 1: MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG** | | | | | | | | |
| 1 | | | Bài 1. Lược sử công cụ tính toán | 2 | | | - Các thế hệ của máy tính điện tử.  - Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển máy tính. |  |
| 2 | | | - Nêu được ví dụ cho thấy sự phát triển máy tính đã đem đến những thay đổi lớn lao cho xã hội loài người. |  |
| **CHỦ ĐỀ 2. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN** | | | | | | | | |
| 3 | | | Bài 2. Thông tin trong môi trường số | 2 | | | - Nêu được các đặc điểm của thông tin số: đa dạng, được thu thập ngày càng nhanh và nhiều, được lưu trữ với dung lượng khổng lồ bởi nhiều tổ chức và cá nhân, có tính bản quyền, có độ tin cậy rất khác nhau, có các công cụ tìm kiếm, chuyển đổi, truyền và xử lí hiệu quả. |  |
| 4 | | | - Trình bày được tầm quan trọng của việc khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy, nêu được ví dụ minh hoạ. |  |
| 5 | | | Bài 3. Thực hành: Khai thác thông tin số | 2 | | | - Sử dụng được công cụ tìm kiếm, xử lí và trao đổi thông tin trong môi trường số. Nêu được ví dụ minh hoạ.  - Chủ động tìm kiếm được thông tin để thực hiện nhiệm vụ (thông qua bài tập cụ thể). |  |
| 6 | | | - Đánh giá được lợi ích của thông tin tìm được trong giải quyết vấn đề, nêu được ví dụ minh hoạ. |  |
| **CHỦ ĐỀ 3. ĐẠO ĐỨC PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ** | | | | | | | | |
| 7 | | | Bài 4. Đạo đức và văn hoá trong sử dụng công nghệ kĩ thuật số | 1 | | | - Nhận biết và giải thích được một số biểu hiện vi phạm đạo đức và pháp luật, biểu hiện thiếu văn hoá khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số. Ví dụ: thu âm, quay phim, chụp ảnh khi không được phép, dùng các sản phẩm văn hoá vi phạm bản quyền, ...  - Bảo đảm được các sản phẩm số do bản thân tạo ra thể hiện được đạo đức, tính văn hoá và không vi phạm pháp luật. |  |
| **CHỦ ĐỀ 4. ỨNG DỤNG TIN HỌC** | | | | | | | | |
| 8 | | | Bài 5. Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế | 1 | | | - Giải thích được sự thay đổi địa chỉ tương đối trong công thức khi sao chép công thức.  - Giải thích được sự khác nhau giữa địa chỉ tương đối và địa chỉ tuyệt đối của một ô tính. |  |
| 9 | | | **Kiểm tra đánh giá giữa kỳ I** | 1 | | | Kiểm tra kiến thức của học sinh giữa học kỳ I |  |
| 10 | | | Bài 5. Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế. | 1 | | | - Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế.  - Sao chép được dữ liệu từ các tệp văn bản, trang trình chiếu sang trang tính. |  |
| 11 | | | Bài 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu | 2 | | | - Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế.  - Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng chức năng lọc và sắp xếp dữ liệu. |  |
| 12 | | | - Thực hiện được các thao tác lọc và sắp xếp dữ liệu của phần mềm bảng tính |  |
| 13 | | | Bài 7. Trình bày dữ liệu bằng biểu đồ | 2 | | | - Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng chức năng tạo biểu đồ. |  |
| 14 | | | - Thực hiện được thao tác tạo biểu đồ của bảng tính. |  |
| 15 | | | Ôn tập | 1 | | | - Ôn tập kiến thức từ bài 1 đến bài 7, chuẩn bị cho kiểm tra đánh giá hkI. |  |
| 16 | | | **Kiểm tra đánh giá cuối học kỳ I** | 1 | | | - Đánh giá kết quả học tập bộ môn của học sinh cuối học kì I. |  |
| 17 | | | Bài 8a. Làm việc với danh sách dạng liệt kê và hình ảnh trong văn bản | 2 | | | - Thực hiện được các thao tác: chèn thêm, xoá bỏ, co dãn hình ảnh, vẽ hình đồ hoạ trong văn bản, tạo danh sách dạng liệt kê. |  |
| 18 | | | - Tạo được sản phẩm là văn bản có tính thẩm mỹ phục vụ nhu cầu thực tế. |  |
| **Tổng** | | | | **18 tiết** | | |  |  |
| **Học kỳ II : 1 tiết/ tuần x 17 tuần = 17 tiết** | | | | | | | | |
| 19 | | Bài 9a. Tạo đầu trang, chân trang cho văn bản | | | 2 | | - Thực hiện được thao tác đánh số trang, thêm đầu trang và chân trang cho văn bản. |  |
| 20 | | - Tạo được sản phẩm là văn bản có tính thẩm mĩ phục vụ nhu cầu thực tế. |  |
| 21 | | Bài 10a. Định dạng nâng cao cho trang chiếu | | | 2 | | - Chọn / đặt được màu sắc, cỡ chữ hài hoà và hợp lí với nội dung.  - Biết được cách đánh số trang, đàu trang, chân trang vào các trang chiếu. |  |
| 22 | | - Thực hiện được thao tác đánh số trang, thêm đầu trang và chân trang. |  |
| 23 | | Bài 11a. Sử dụng bản mẫu tạo bài trình chiếu | | | 2 | | - Sử dụng được các bản mẫu (template) tạo bài trình chiếu. |  |
| 24 | | - Nhúng được vào trang chiếu đường dẫn đến video hay tài liệu khác.  - Tạo được một số sản phẩm là văn bản có tính thẩm mĩ phục vụ nhu cầu thực tế. |  |
| **CHỦ ĐỀ 5. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH** | | | | | | | | |
| 25 | Bài 12. Từ thuật toán đến chương trình | | | | 1 | Mô tả được kịch bản đơn giản dưới dạng thuật toán và tạo được một chương trình đơn giản. | |  |
| 26 | **Kiểm tra giữa học kỳ 2** | | | | 1 | - Kiểm tra kiến thức của học sinh giữa học kỳ II | |  |
| 27 | Bài 13. Biểu diễn dữ liệu | | | | 2 | - Nêu được khái niệm kiểu dữ liệu. | |  |
| 28 | - Nêu được khái niệm hằng, biến, biểu thức và sử dụng được các khái niệm này ở các chương trình đơn giản trong môi trường lập trình trực quan. | |  |
| 29 | Bài 14. Cấu trúc điều khiển | | | | 2 | - Thể hiện được cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh và lặp ở chương trình trong môi trường lập trình trực quan. | |  |
| 30 | - Thể hiện được cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh và lặp ở chương trình trong môi trường lập trình trực quan. | |  |
| 31 | Bài 15. Gỡ lỗi | | | | 1 | - Chạy thử, tìm lỗi và sửa được lỗi cho chương trình. | |  |
| 32 | Ôn tập | | | | 1 | - Củng cố lại các kiến thức trong học kì 2. | |  |
| 33 | **Kiểm tra cuối học kỳ 2** | | | | 1 | - Kiểm tra kiến thức cuối học kì 2. | |  |
| 34 | Bài 15. Gỡ lỗi | | | | 1 | - Chạy thử, tìm lỗi và sửa được lỗi cho chương trình. | |  |
| **CHỦ ĐỀ 6. HƯỚNG NGHIỆP VỚI TIN HỌC** | | | | | | | | |
| 35 | Bài 16. Tin học với nghề nghiệp | | | | 1 | - Nêu được một số nghề nghiệp mà ứng dụng tin học sẽ làm tăng hiệu quả công việc.  - Nêu được tên một số nghề thuộc lĩnh vực tin học và một số nghề liên quan đến ứng dụng tin học.  - Nhận thức và trình bày được vấn đề bình đẳng giới trong việc sử dụng máy tính và trong ứng dụng tin học, nêu được ví dụ minh hoạ. | |  |
| **Tổng** | | | | | **17 tiết** |  | |  |